TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 1367/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 18 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia Đ thụ lý số 1244/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Huỳnh N, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Đường số 72, tổ 15, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lâm Đ, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Đường số 72, tổ 15, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia Đ năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần Huỳnh N, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Đường số 72, tổ 15, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Lâm Đ, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Đường số 72, tổ 15, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 18/10/2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2014, ngày 19/3/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Huỳnh N và ông Nguyễn Lâm Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể N sau:

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia Đ sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn Đ) bà Trần Huỳnh N thỏa thuận chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia Đ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn Đ) bà Trần Huỳnh N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0033427 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn lại cho bà Trần Huỳnh N số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn Đ).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tú